

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2022

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lương Mạnh Tường

- Ông Nguyễn Văn Phiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 69/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Chị Quách Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn L, xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Anh H, chị H có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn Anh Trịnh Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Quách Thị H kết hôn năm 2010 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại Bắc Ninh. Tuy nhiên hai vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về mọi mặt. Thực tế mâu thuẫn trầm trọng đã xảy ra nhiều lần. Cuối năm 2019 chị H cùng con đã bỏ về quê N, Ninh Bình để sinh sống, vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay. Anh H xét thấy không còn tình cảm vợ chồng, nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh xác định anh và chị H có 01 con chung là cháu Trịnh Bảo Tr, sinh ngày 20/5/2011 hiện nay cháu đang ở với chị H. Nếu ly hôn anh đồng ý cho chị H được tiếp tục nuôi cháu. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn, Chị Quách Thị H thể hiện tại bản tự khai ngày 13/5/2022: Chị xác định thời điểm kết hôn và sinh sống như Anh H trình bày là đúng. Theo chị nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do Anh H không chung thủy, không quan tâm đến vợ con. Vì vậy chị và Anh H ly thân nhiều năm. Hiện nay mẹ con chị đã về xã Th, huyện N sinh sống. Nay Anh H xin ly hôn thì chị cũng nhất trí.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trịnh Bảo Tr sinh ngày 20/5/2011, hiện cháu đang ở với chị. Chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung yêu cầu Anh H phải thực hiện đúng như Anh H đã cam kết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến cháu Trịnh Bảo Tr: Cháu xin được tiếp tục ở với mẹ, vì cháu đang học tập và sinh sống với mẹ tại xã Th, huyện N ổn định.

Do trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị H không đến để tham gia các phiên họp và hòa giải, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát*: Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ*: Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trịnh Văn H. Xử ly hôn giữa Anh Trịnh Văn H và Chị Quách Thị H.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Trịnh Bảo Tr, sinh ngày 20/5/2011 cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Bảo Tr cùng chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. *Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Trịnh Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Th, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa Anh Trịnh Văn H và Chị Quách Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt, không tin tưởng nhau. Cuộc sống vợ chồng của Anh H và chị H thường xảy ra xung đột và kéo dài, hai bên đã ly thân nhiều năm nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh H với chị H là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị H có 01 con chung là cháu Trịnh Bảo Tr sinh ngày 20/5/2011, hiện cháu đang ở với chị H. Hai bên thống nhất được sau khi ly hôn chị H tiếp tục nuôi cháu Tr và Anh H tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Tr mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy: Sự thống nhất và thỏa thuận trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với đạo đức và quy định của pháp luật, vì vậy cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trịnh Văn H phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 236, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: - Các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Trịnh Văn H. Xử lý hôn giữa Anh Trịnh Văn H và Chị Quách Thị H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Trịnh Bảo Tr, sinh ngày 20/5/2011, hiện đang ở với chị H, cho chị H tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Anh H không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng Anh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí .

3.1. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trịnh Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí Anh H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003463 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3.2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trịnh Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Anh Trịnh Văn H và Chị Quách Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN THỊ HƯƠNG QUỲNH